TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HB** **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 28/2020/HNGĐ-ST Ngày:07-9-2020 V/v "Tranh chấp ly hôn".	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HB, TỈNH BẠC LIÊU

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Ngọc Diễm
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Văn Miên
2. Ông Huỳnh Tài Em
- *Thư ký phiên tòa*: Ông Phan Văn Dư, Thư ký Tòa án nhân dân huyện HB.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện HB, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên toà:* Bà Dương Thục Trinh - Kiểm sát viên.

Ngày 07tháng9năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện HB, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 126/2020/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 06 năm 2020 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Mỹ X, sinh năm 1993
Địa chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp 36, xã MD, huyện HB, tỉnh Bạc Liêu.
Chỗ ở hiện nay: Ấp 19, xã VB, huyện HB, tỉnh Bạc Liêu.

2. Bị đơn: Anh Trần Văn L, sinh năm 1989
Địa chỉ: Ấp 36, xã MD, huyện HB, tỉnh Bạc Liêu.

(Chị X có đơn xin xét xử vắng mặt, anh L vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Nguyễn Mỹ X trình bày: Chị và anh Trần Văn L tự nguyện chung sống, có tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán tại địa phương, có đăng ký kết hôn vào năm 2011. Sau thời gian chung sống hạnh phúc thì vợ chồng chị nảy sinh mâu thuẫn, bất đồng. Chị và anh L không còn chung sống hơn 02 năm nay. Chị cảm thấy không thể kéo dài mối quan hệ hôn nhân nên yêu cầu được ly hôn với anh L.

Về con chung: Chị X xác định vợ chồng chị có 02 người con chung tên Trần Thị Cát T, sinh ngày 13/11/2015 và Trần Mỹ Th, sinh ngày 18/7/2012. Hiện nay cháu T và cháu Th đang sống cùng chị và chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu T và cháu Th, yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị X xác định không có tài sản chung và nợ chung nênkhông yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Trần Văn L được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt và cũng không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Mỹ X.

Ý kiến của cháu Trần Mỹ Th: hiện nay cháu sống cùng mẹ là Nguyễn Mỹ X, cháu có cuộc sống ổn định, vui vẻ. Cháu đang học lớp 2. cha mẹ ly hôn thì cháu có nguyện vọng được tiếp tục sống cùng mẹ.

Ý kiến của kiểm sát viên:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa.

Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Nguyên đơnthực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình.Bị đơn đã được tống đạt hợp lệ các quyết định nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ Điều 227, 228, 238 BLTTDS đủ điều kiện xét xử.

Về nội dung: Đề nghị căn cứ khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 BLTTDS; Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Mỹ X đối với anh Trần Văn L; Giao cháu Trần Thị Cát T, sinh ngày 13/11/2015 và Trần Mỹ Th, sinh ngày 18/7/2012 cho chị Nguyễn Mỹ X tiếp tục nuôi dưỡng; Không xem xét giải quyết về tài sản chung, nợ chung. Buộc anh Trần Văn L phải cấp dưỡng nuôi 02 cháu T và Th mỗi cháu số tiền 745.000 đồng/ tháng cho đến khi cháu T và cháu Th đủ 18 tuổi; Buộc nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng. Buộc bị đơn phải chịu án phí cấp dưỡng 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1]Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Mỹ X có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, anh Trần Văn L được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị X và anh L.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Mỹ X và anh Trần Văn L có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.Hôn nhân giữa chị X và anh L là tự nguyện và hợp pháp. Chị X xác định hiện nay vợ chồng chị không còn chung sống với nhau, không còn yêu thương nhau nên yêu cầu được ly hôn với anh L. Anh Lkhông đến tham gia các buổi làm việc, phiên họp, phiên hòa giải do Tòa án triệu tập cũng như không có thiện chí hàn gắn mối quan hệ hôn nhân. Hội đồng xét xử xét thấy, thực tế vợ chồng chị X và anh L đã không còn chung sống với nhau một khoảng thời gian quá dài (hơn 02 năm), không quan tâm lẫn nhau, không có biện pháp hàn gắn,

mặc cho đời sống hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, do đó Hội đồng xét xửchấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Mỹ X.

[3] Về con chung: Hiện nay cháu T và cháu Th đang sống cùng chị X. Cháu T chưa đủ 07 tuổi, cháu Th đã trên 07 tuổi và có nguyện vọng được tiếp tục sống cùng chị X, chị X có nguyện vọng được tiếp tục nuôi con và yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy, chị X và anh L không sống cùng nhau 02 năm nay và trong thời gian này thì các cháu T và Th đã sống cùng chị X, anh L cũng không có ý kiến gì. Do đó, để đảm bảo sự ổn định về tinh thần, về môi trường sống và ổn định về tâm lý cho các cháu T và Th. Cần tiếp tục giao các cháu T và Th cho chị X nuôi dưỡng, giáo dục.Anh Trần Văn L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Trần Văn L không trực tiếp nuôi con, có nghĩa vụ phải cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Yêu cầu này của chị X là có căn cứ nên được chấp nhận.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Xxác định chị và anh L không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết.

[6] Những phân tích, nhận định và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với tài liệu chứng cứ cũng như phân tích, đánh giá của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Về án phí: Chị Nguyễn Mỹ X và anh Trần Văn L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm quy định tại điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228,Điều 238; Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng: Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6Điều 27Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Mỹ X đối với anh Trần Văn L.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Thị Cát T, sinh ngày 13/11/2015 và Trần Mỹ Th, sinh ngày 18/7/2012 cho chị Nguyễn Mỹ X trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Anh Trần Văn L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở.

3.Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc anh Trần Văn L cấp dưỡng nuôi cháu T và cháu Th mỗi cháu 745.000 đồng/ 01 tháng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Mỹ X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng. Chị X đã dự nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0006167 ngày 12/5/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện HB được chuyển thu án phí. Anh Trần Văn L phải nộp 300.000 đồng án phí cấp dưỡng, nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện HB.

5. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Đương sự**;**
- VKSND huyện HB;
- Cơ quan THA huyện HB;
- Lưu: HS; VT-TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Ngọc Diễm